TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. L **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 31/2025/DS-ST
Ngày 25.4.2025
V/v tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S). Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Vũ Quang H - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân Địa điểm kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Sông Hàn - Phòng giao dịch Núi Thành; địa chỉ: 252 N, phường H, quận H, thành phố Đ, (*Theo Quyết định v/v uỷ quyền ký hợp đồng/thảo thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Giấy uỷ quyền ngày 01 tháng 01 năm 2025*), (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn R - sinh năm: 1997; nơi cư trú: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đ, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại Bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(- Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S)*) trình bày:

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, ông Huỳnh Văn R ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với Địa điểm kinh doanh Ngân hàng S - Chi nhánh S - Phòng giao dịch N và được Ngân hàng duyệt cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2,767%/tháng, lãi suất quá hạn 4,1505%/tháng và được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Quá trình sử dụng thẻ, ông R đã thực hiện 14 giao dịch với tổng số tiền 699.589.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng*) và đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 652.527.074 đồng (*Sáu trăm năm mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi bốn đồng*). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18 của Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06 tháng 10 năm 2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và sau ngày 06 tháng 10 năm 2024 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông R.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án buộc ông R thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2024 là 57.943.934 đồng (*Năm mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm ba mươi bốn đồng*), bao gồm: Nợ gốc 56.133.372 đồng và lãi quá hạn 1.810.562 đồng; buộc ông R tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông R trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (- *Ngày 25 tháng 4 năm 2025*) là 70.110.409 đồng (*Bảy mươi triệu một trăm mười ngàn bốn trăm lẻ chín đồng*), bao gồm: Nợ gốc 56.133.372 đồng và lãi quá hạn 13.997.037 đồng; buộc ông R tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn - ông Huỳnh Văn R bằng hình thức trực tiếp, thông qua Tổ trưởng tổ dân phố. Tuy nhiên, ông R không có ý kiến trình bày gửi đến Toà án; không tham gia các

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, ông R vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đảm bảo các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Việc hỏi, tranh luận được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ 70.110.409 đồng và tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2025 cho đến ngày thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn - ông Huỳnh Văn R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông R.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn R không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, ông Huỳnh Văn R được Ngân hàng S - Chi nhánh Đ cấp hạn mức thẻ tín dụng 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí thực hiện theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Hợp đồng được kí kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đã ký là hợp pháp,

phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, xác định ông Huỳnh Văn R nợ của Ngân hàng số tiền 70.110.409 đồng, bao gồm: Nợ gốc 56.133.372 đồng và lãi quá hạn 13.997.037 đồng.

Đến nay, ông R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các điều 18, 19 và 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S. Do ông R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản được quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc ông R phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 25 tháng 4 năm 2025, bao gồm: Nợ gốc 56.133.372 đồng và lãi quá hạn 13.997.037 đồng, tổng cộng 70.110.409 đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2025 theo mức lãi suất do Ngân hàng và ông R đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân trên số tiền nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.110.409 đồng x 5% = 3.505.520 đồng (*Ba triệu năm trăm lẻ năm ngàn năm trăm hai mươi đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280 và 351 Bộ luật Dân sự; khoản 15 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Huỳnh Văn R về việc "Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản".

Xử: Buộc ông Huỳnh Văn R phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 25 tháng 4 năm 2025, bao gồm: Nợ gốc 56.133.372

đồng và lãi quá hạn 13.997.037 đồng, tổng cộng là 70.110.409 đồng (*Bảy mươi triệu một trăm mười ngàn bốn trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.505.520 đồng (*Ba triệu năm trăm lẻ năm ngàn năm trăm hai mươi đồng*) ông Huỳnh Văn R phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.428.334 đồng (*Một triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0009138 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**